| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2022/DS - PT
Ngày 07- 3 - 2022
V/v *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Các thẩm phán:* Bà Lê Thị Dung

Bà Lê Thị Hiệu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Xuân Tú – Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:***

Bà Lê Thu Hiền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2021/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bá Thước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Đức A - Sinh năm: 1967; có mặt.
Ông Bùi Xuân B - Sinh năm: 1957; có mặt.
Cùng trú tại: Thôn TT, xã LT, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Trần Thị Ngọc, Luật sư Đoàn Bá Nghĩa – Công ty luật TNHH Ninh Hoàng Gia thuộc đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Trương Công C – sinh năm: 1979; có mặt.

2.2. Trương Công D – sinh năm: 1973; có mặt.

2.3. Trương Văn E – sinh năm: 1970; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông E*: Anh Trương Văn F – sinh năm: 1993; có mặt. (Theo Giấy ủy quyền ngày 15/7/2021).

2.4. Trương Công G – sinh năm: 1967; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông G:* Bà Bùi Thị H – sinh năm: 1968. Có mặt. (Theo Giấy ủy quyền ngày 15/7/2021).

Đều trú tại: Thôn Són, xã LN, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

2.5. Bùi Văn I – sinh năm 1945; vắng mặt.

Trú tại: Thôn Ben, xã LN, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã LT, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn Thắng – chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã LT, vắng mặt. (Theo Giấy ủy quyền ngày 29/9/2021).

3.2. UBND xã LN, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Xuân C – chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã LN; vắng mặt. (Theo Giấy ủy quyền ngày 29/9/2021).

3.3. UBND huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Ấn – chức vụ: Trưởng phòng tài nguyên môi trường - UBND huyện Bá Thước; vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Đức A trình bày:*

Năm 2000 gia đình ông được giao đất lâm nghiệp tại khu đồi Bến thuộc thôn TT, xã LT, đến năm 2003 thì UBND huyện Bá Thước cấp Giấy chứng nhận quyền sử I đất với diện tích là 200.000m$^2$. Khoảng năm 2011 hộ ông Trương Văn E, sau đó đến hộ ông Trương Công D, ông Trương Công C lên đất của ông xuôm phát cỏ, cây bụi và đến năm 2013 thì các hộ trồng keo trên đất đã lấn chiếm. Khi các hộ trồng keo thì ông mới phát hiện và có yêu cầu các hộ không được lấn chiếm, đã đưa đơn lên xã giải quyết nhiều lần nhưng không được. Hiện nay cả 3 hộ vẫn đang trồng keo trên đất của ông. Diện tích đất bị lấn chiếm như sau: Hộ ông C lấn khoảng 4 ha; Hộ ông D lấn khoảng 5 ha; Hộ ông E lấn khoảng 3,5 ha.

*Ông Bùi Xuân B trình bày:* Năm 2000 gia đình ông được giao đất lâm nghiệp tại khu đồi Bến thuộc thôn TT, xã LT đến năm 2003 thì UBND huyện Bá Thước cấp Giấy chứng nhận quyền sử I đất gồm 2 mảnh với tổng diện tích là 215.000m2. Khoảng năm 2011 hộ ông Trương Công D, sau đó đến hộ ông Trương Công G, ông Trương Văn E, ông Bùi Văn I lên đất của ông xuôm phát cỏ, cây bụi và trồng luồng, lát, keo lên đất của ông. Sau khi phát hiện việc lấn chiếm ông có báo cáo chính quyền địa phương, địa phương cũng đã nhiều lần giải quyết nhưng không được. Vì đang tranh chấp nên cuối năm 2019 ông mới được lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Gần đây nhất là vào năm 2020 địa phương lại tiếp tục tiến hành hòa giải nhưng không đi đến được thống nhất. Hiện nay cả 4 hộ vẫn đang trồng keo, luồng, lát trên đất của ông. Diện tích đất bị lấn chiếm như sau: Hộ ông G lấn khoảng 01 ha; Hộ ông D lấn khoảng 10 ha; Hộ ông E lấn khoảng 04 ha; Hộ ông I lấn khoảng 03 ha.

Nay ông A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bá Thước giải quyết buộc các hộ trả lại phần đất đã lấn chiếm đồng thời bồi thường cho ông số tiền là 5.000.000 đ/1ha/1 năm. Ông B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bá Thước giải quyết buộc các hộ trả lại phần đất đã chiếm đồng thời bồi thường cho ông số tiền là 500 đ/1m$^2$/1

năm.

Tại phiên Tòa ông A rút yêu cầu các hộ dân bồi thường cho ông số tiền là 5.000.000 đ/1ha/1 năm. Ông B rút yêu cầu các hộ dân bồi thường cho ông số tiền là 500 đ/1$m^2$/1 năm.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn 05 hộ dân Trương Công C, Trương Công D, Trương Văn E, Trương Công G, Bùi Văn I trình bày:*

Nguồn gốc đất là có từ những năm 1985 – 1986 thời cha ông, gia đình đã trồng lúa nước, khai hoang trồng keo, luồng, xoan. Việc nguyên đơn nói hộ gia đình phát mới để trồng keo là không đúng vì quá trình sử dụng đất các hộ thay đổi cây trồng liên tục, đất trước đó đã trồng luồng, đền, xoan nhưng các hộ gia đình đã chặt bán chuyển đổi sang trồng keo cho hiệu quả. Các hộ đã sử I đất ổn định hơn 30 năm, việc cấp giấy chứng nhận cho ông A và ông B lên đất của các hộ thì các hộ không hề hay biết vì bản thân đất của các hộ hiện đang canh tác sử dụng không giáp đất của hộ ông A và ông B.

Tại công văn số 105/UBND ngày 23/9/2021 của UBND xã LN, huyện Bá Thước và tại phiên tòa đại diện UBND xã LN trình bày: Nguồn gốc đất của 05 hộ dân Trương Công C, Trương Công D, Trương Công G, Trương Văn E, Bùi Văn I là do các hộ tự khai hoang và sử dụng ổn định. Thời điểm sử dụng đất của 05 hộ này là từ trước những năm 1986. 05 hộ này không được cấp sổ xanh. Hộ ông Bùi Đức A và Bùi Xuân B không canh tác trên các thửa đất này. Mà các hộ Trương Công C, Trương Công D, Trương Công G, Trương Văn E, Bùi Văn I canh tác trồng lúa, ngô, sắn, luồng, đền, xoan, keo. Hiện tại vẫn có các tài sản này trên đất các hộ. UBND xã LN không nhận được đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai nào của ông Bùi Đức A và Bùi Xuân B.

*Tại công văn số 50/UBND ngày 07/10/2021 của UBND xã LT, huyện Bá Thước và tại phiên tòa đại diện UBND xã LT trình bày:*

Ngày 28/7/2018 UBND xã LT nhận được công văn số: 908 ngày 18/7/2018 của UBND huyện Bá Thước về việc chuyển đơn của ông Bùi Đức A thôn TT, xã LT. Các nội dung trong đơn của ông A đã được giải quyết theo Báo cáo số: 42/BC – UBND ngày 08/8/2018 của UBND xã LT. Ngày 19/2/2020 UBND xã LT lập biên bản làm việc với ông Bùi Xuân B về việc phá rừng khu đồi bến.

*Tại công văn số 2295/UBND – TNMT ngày 23/9/2021 và công văn số 2297/UBND – TNMT ngày 23/9/2021 UBND huyện Bá Thước nêu quan điểm:*

Thực hiện Nghị định số 163/1999/NĐ – CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử I ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Theo quy định tại điều 4, Nghị định 163: " Đối tượng được Nhà nước giao đất lâm nghiệp. Nhà nước giao đất lâm nghiệp không thu tiền sử I đất cho các đối tượng sau: Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp lao động lâm nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, làm muối mà nguồn sống chủ yếu là thu nhập có được từ các hoạt động sản xuất đó, được Ủy ban nhân dân xã nơi có đất lâm nghiệp xác nhận. UBND huyện Bá Thước đề nghị Toà án nhân dân huyện Bá Thước căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; phiếu lấy ý kiến khu dân cư để xác định nguồn gốc, thời gian, hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình cá nhân và các căn cứ của pháp luật để giải quyết vụ án .

Tại đơn đề nghị ngày 02/8/2021 của 09 hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn Són và UBND xã LN về việc nguồn gốc đất của các hộ dân có từ năm 1986 do cha ông các hộ khai hoang trồng lúa nương, ngô, sắn và trồng cây lâm nghiệp. Trong quá trình canh tác từ năm 1986 đến nay liên tục không bỏ hoang năm nào, canh tác ổn định không xảy ra tranh chấp. Không hiểu vì sao tự nhiên hộ ông Bùi Xuân B và hộ ông Bùi Đức A lại có sổ đỏ quyền sử dụng đất được cấp năm 2003 vào đất của các hộ. Hộ ông Bùi Văn I còn có Giấy chứng nhận quyền sử I đất lâm nghiệp với diện tích 22.000 $m^2$, thời hạn 50 năm, thuộc TK 288 – k2 – lô 4 tại tại thôn TT, xã LT, huyện Bá Thước.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định được hiện trạng diện tích đất các hộ sử dụng như sau:

Ông Trương Công C sử dụng 102.289 $m^2$; Ông Trương Công D sử dụng 206.025 $m^2$; Ông Trương Văn E sử dụng 49.625,5 $m^2$; Ông Trương Công G sử dụng 12.079 $m^2$. Ông Bùi Văn I sử dụng 8.002.5 $m^2$. Các hộ đã trồng các loại cây đền, luồng, xoan, vầu, lát, bạch đàn, keo trên hết diện tích đất. Có sơ đồ đo vẽ kèm theo.

**Tại Bản án số 43/2021/DS-ST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bá Thước đã quyết định:**

Căn cứ: Điều 164 Bộ luật Dân sự; Khoản 3, khoản 10 điều 12, điểm h khoản 1 điều 64 khoản 2 điều 66, khoản 1, khoản 5 điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 9 điều 26, điều 42, khoản 1 điều 147, khoản 1 điều 232 và điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Toà án.

* Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện trả lại đất của nguyên đơn ông Bùi Đức A và ông Bùi Xuân B.

2. Kiến nghị với UBND huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp có tổng diện tích là 200.000 $m^2$, TK 288 – k2 – lô 5, thời hạn sử dụng 50 năm tại thôn TT, xã LT, huyện Bá Thước ngày 20/5/2003 đã cấp cho hộ ông Bùi Đức A và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp có tổng diện tích là 215.000 $m^2$ ( 35.000 $m^2$ TK 288 – k2 – lô 4 và 180.000 $m^2$ TK 288 – k2 – lô 5 ), thời hạn sử dụng 50 năm tại thôn TT, xã LT, huyện Bá Thước ngày 20/5/2003 đã cấp cho hộ ông Bùi Xuân B ( Bùi Văn B ) để cấp lại cho 05 hộ dân theo nguồn gốc đất và hiện trạng đất mà 05 hộ dân đang sử dụng.

3. 05 hộ dân: Trương Công C, Trương Công D, Trương Công G, Trương Văn E, Bùi Văn I có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo quy định của Luật đất đai (Căn cứ theo trích đo thực tế thửa đất của văn phòng đăng ký đất đai huyện Bá Thước và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Bá Thước tỉnh Thanh Hóa ngày 17/8/2021).

4. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại về đất của ông Bùi Đức A và ông Bùi Xuân B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 27/10/2021, nguyên đơn là ông Bùi Đức A và ông Bùi Xuân B kháng cáo, với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm và đề nghị Tòa án tỉnh Thanh Hóa xem xét giải quyết:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Trong trường hợp Bản án sơ thẩm không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; rút nội dung kháng cáo đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án tranh chấp quyền sử I đất; chỉ đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Các bị đơn có mặt tại phiên tòa đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Đức A và ông Bùi Xuân B.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị HĐXX hủy Bản án sở thẩm giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Bá Thước giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm để thu thập thêm chứng cứ, làm rõ hơn về nội dung cụ thể như sau: Triệu tập hạt kiểm lâm huyện Bá Thước tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Tổ chức hòa giải tại Tòa án theo quy định của pháp luật; Tổ chức thẩm định, định giá tổng thể khu đất của các nguyên đơn đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần diện tích đất mà các bị đơn đang lấn chiếm sử dụng; Thu thập bản đồ địa chính qua các thời kỳ; Tổ chức xác minh, lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất cũng như thời điểm sử dụng đất của các bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Do cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ và tại phiên tòa phúc thẩm các bị đơn có mặt tại phiên tòa yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Đức A và ông Bùi Xuân B. Do phát sinh tình tiết mới, cấp sơ thẩm chưa thụ G giải quyết và chưa thu thập đầy đủ chứng cứ nên tại cấp phúc thẩm không thể xem xét được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310; Điều 148 BLTTDS, hủy bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo:

- Về tố tụng: Tại Biên bản làm việc ngày 03/3/2020, ở UBND xã LT có sự tham gia của ông Vũ Kiên Nhẫn là kiểm lâm viên địa bàn tham gia làm việc (BL 84,85). Theo đó, ông Nhẫn có ý kiến về việc quản lý hành chính khu đất đang tranh chấp. Mặt khác, đây là đất lâm nghiệp nên cũng cần phải đưa Hạt kiểm lâm huyện Bá Thước tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ về quá trình quản lý đất lâm nghiệp, có việc giao khoán đất lâm nghiệp cho các nguyên đơn hay các bị đơn không? Trước khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Bùi Đức A và ông Bùi Xuân B, Hạt kiểm lâm có đo đạc, bàn giao đất lâm nghiệp cho ông A và ông B không?

- Về thu thập chứng cứ: Nguyên đơn là ông Bùi Đức A và ông Bùi Xuân B buộc các bị đơn trả lại phần đất lâm nghiệp đã lấn chiếm vì các ông đã được UBND huyện Bá Thước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể, Ngày 20/5/2003 hộ ông Bùi Đức A được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp có tổng diện tích là 200.000 $m^2$, TK 288 – k2 – lô 5, thời hạn sử dụng 50 năm tại thôn TT, xã LT, huyện Bá Thước. Ngày 20/5/2003 hộ ông Bùi Văn B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp có tổng diện tích là 215.000 $m^2$, TK 288 – k2 – lô 4 và lô 5, thời hạn sử I 50 năm tại thôn TT, xã LT, huyện Bá Thước. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông Bùi Đức A và ông Bùi Xuân B; các tài liệu chứng cứ về nguồn gốc đất đang tranh chấp đó là Bản đồ địa chính quản G đất đai qua các thời kỳ. Chưa có bản tự khai của các bị đơn là ông Trương Công C, Trương Văn E, Bùi Văn I.

Tại cấp sơ thẩm, đã thẩm định diện tích đất lâm nghiệp từng bị đơn đang trực tiếp quản G. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa làm rõ ranh giới cụ thể đất của nguyên đơn được giao theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu của nguyên đơn nếu có việc lấn chiếm đất lâm nghiệp của bị đơn thì lấn chiếm vị trí nào? Diện tích cụ thể của từng bị đơn lấn chiếm của nguyên đơn là bao nhiêu?

- Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn có mặt tại phiên tòa đều đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Đức A và ông Bùi Xuân B. Xét thấy, việc xem xét giải quyết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Bùi Đức A và ông Bùi Xuân B theo yêu cầu của các bị đơn là cần thiết để giải quyết vụ án được triệt để, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án. Các bị đơn đề nghị hủy GCNQSDĐ là có cơ sở và để giải quyết vụ án được triệt để nên chấp nhận yêu cầu của các bị đơn.

Do việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và có tình tiết mới tại giai đoạn phúc thẩm mà cấp sơ thẩm chưa xem xét và cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Bản án sơ thẩm bị hủy nên ông Bùi Đức A và ông Bùi Xuân B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310; khoản 3 Điều 148 của BLTTDS. Khoản 3 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bá Thước và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bá Thước giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Bùi Đức A và ông Bùi Xuân B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Bá Thước;
- Chi cục THADS huyện Bá Thước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**